TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/DS-ST
Ngày: 28/12/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay, thế chấp tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2014/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2014, về tranh chấp hợp đồng vay, thế chấp tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐST- DS, ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh; địa chỉ: Khóm C, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; do ông Lâm Văn T, chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng giao dịch Tiểu Cần, trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017).

Bị đơn:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1977 (có mặt);

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1955 (có mặt);

- Bà Dương Thị D, sinh năm: 1952 (có mặt);

- Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1977 (có mặt);

- Chị Phạm Thị T1, sinh năm: 1979 (có mặt);

- Anh Phạm Thành T, sinh năm: 1983 (vắng mặt);

- Chị Phạm Thị T2, sinh năm: 1986 (vắng mặt);

- Chị Phạm Thị C, sinh năm: 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phạm Thị T3, sinh năm: 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phạm Thị Hồng G, sinh năm: 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2014, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Lâm Văn T là người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh trình bày:

Vào ngày 09/07/2012, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần SG Trà Vinh, do Phòng Giao dịch huyện Tiểu Cần đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1218900110. Số tiền vay 250.000.000 đồng tiền vốn, mục đích sử dụng tiền vay: Phát triển nông thôn- sản xuất nông nghiệp, lãi suất tiền vay 1,5%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 09/07/2013. Bên vay thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 12.110m^2, loại đất màu, thổ cư thuộc thửa số 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng.

Khi đến hạn trả nợ, anh T và chị T không trả.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ bằng 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 25/12/2017 là 256.628.146 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi anh T và chị T trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là diện tích 12.110m^2 thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản có trên đất để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh thừa nhận ngày 09/12/2012, vợ chồng anh có ký hợp đồng vay nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh vốn số tiền vốn là

250.000.000 đồng. Về thời gian, lãi suất, mục đích vay; tài sản thế chấp và những thỏa thuận khác như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Nay anh thống nhất cùng với vợ anh là Nguyễn Thị T trả cho ngân hàng số tiền còn nợ là 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 25/12/2017 là 256.628.146 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; nhưng anh xin trả nợ theo từng kỳ như sau:

Lần 01: Ngày 11/02/2018 trả 100.000.000 đồng;

Lần 02: Ngày 11/3/2018 trả 60.000.000 đồng;

Số tiền còn lại, anh chia ra trả hàng quý, mỗi quý 03 tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (kể cả tiền lãi phát sinh), quý đầu tiên kể từ ngày 11/6/2018.

Trường hợp vợ chồng anh không trả được nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận nêu trên, nếu vi phạm bất cứ lần trả nợ nào thì anh thống nhất xử lý tài sản thế chấp diện tích 12.110m^2 đất màu, thổ cư và các tài sản trên đất, thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo thi hành án cho toàn bộ số nợ.

Ông Phạm Văn H trình bày:

Vào năm 2012, con và con dâu ông là anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T có ký hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh số tiền 250.000.000 đồng. Ông với vợ ông là bà Dương Thị H có ký hợp đồng thế chấp diện tích 12.110m^2, loại đất màu, thổ cư và các tài sản trên đất, thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để bảo lãnh. Toàn bộ diện tích đất thế chấp nêu trên là của cá nhân vợ chồng ông, do ông đứng tên quyền sử dụng.

Nay ông thống nhất trường hợp anh T và chị T không trả được nợ cho Ngân hàng theo từng kỳ trả nợ như T đã thỏa thuận nêu trên thì ông đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp là diện tích 12.110m^2, loại đất màu, thổ cư và các tài sản có trên đất, thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh của vợ chồng ông để đảm bảo thi hành án.

Chị Phạm Thị T, trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của cha và anh ruột chị là ông H và anh T.

Bà Dương Thị D trình bày: Vào năm 1992, bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H, bà H diện tích 2000 m^2 (thực đo 2368,9 m^2) thuộc một phần của thửa đất số 296 mà ông H, bà H đã thế chấp để bảo lãnh khoản nợ vay của anh T, chị T nêu trên. Giá chuyển nhượng đất là 09 chỉ vàng 24 kr, bà đã giao vàng và sử dụng đất, trồng cây lâu năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng. Bà có khởi kiện độc yêu cầu công nhận đất đã chuyển nhượng nêu trên nhưng nay bà rút yêu cầu này, để bà với gia đình ông H giải quyết sau, nếu có phát sinh tranh chấp bà yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy địnhcủa Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Vào năm 2012, anh T và chị T có vay nợ của Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng và ông H, bà H có thế chấp tài sản của mình là diện tích 12.110m^{2}đất màu, thổ cư và các tài sản trên đất, thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để bảo lãnh. Do đến nay anh T và chị T không trả nợ đúng thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị T phải trả số tiền 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 256.628.146 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng. Nếu anh T, chị T không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, anh T thống nhất trả nợ cho Ngân hàng số tiền nêu trên. Anh T và ông H cũng đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án. Đối với bà D sau khi nghe gia đình ông H thỏa thuận với Ngân hàng thì rút đơn khởi kiện độc lập về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 2000 m^2 (thực đo 2368,9 m^2), thuộc một phần của thửa 296 mà bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, để giải quyết sau; anh T và ông H cũng thống nhất để thương lượng với bà D.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở.

Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 471, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh; buộc anh T và chị T trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 256.628.146 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng.

Trường hợp vợ chồng anh không trả được nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận nêu trên, thì xử lý tài sản thế chấp diện tích 12.110m^2 đất màu, thổ cư và các tài sản trên đất, thuộc thửa 296, 304, 305 cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo thi hành án nhưng xem xét đến những tài sản của chị T2 và diện tích đất mộ có trên đất.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị D.

Buộc các đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Thành T, chị Phạm Thị T2, chị Phạm Thị C, chị Phạm Thị T3 và chị Phạm Thị Hồng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 09/07/2012, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần SG phòng giao dịch huyện Tiểu Cần đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1218900110, theo đó anh T và chị T vay số tiền vay 250.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 09/07/2013. Bên vay thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 12.110m^2 gồm: Thửa số 296, diện tích 7340 m^2, loại đất lúa-màu; thửa 304, diện tích 1480 m^2, loại đất lúa-màu và thửa 305, diện tích 3440 m^2, loại đất thổ-quả, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có nộp bản sao có chứng thực các hợp đồng tín dụng và thế chấp nêu trên. Các đương sự trong vụ án thừa nhận nên tình tiết này là có thật.

[2] Khi đến hạn trả nợ, anh T và chị T không trả nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu anh T và chị T phải trả số tiền vay còn nợ là 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 256.628.146 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu, trường hợp vợ chồng T và chị T không trả được nợ cho Ngân hàng, thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án.

[3] Tại phiên tòa, anh T thống nhất cùng chị T trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên nhưng xin trả theo từng lần, cụ thể như sau: Lần 01, ngày 11/02/2018 trả 100.000.000 đồng; lần 02, ngày 11/3/2018 trả 60.000.000 đồng; Số tiền còn lại, anh chia ra trả hàng quý, mỗi quý 03 tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (kể cả tiền lãi phát sinh), quý đầu tiên kể từ ngày 11/6/2018. Đại diện Ngân hàng cũng thống nhất phương án trả nợ này của anh T và chị T.

[4] Ngân hàng yêu cầu: Trường hợp anh T và chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ lần nào như thỏa thuận thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ và được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc các thửa số 296, diện tích 7340 m^2, loại đất lúa-màu; thửa 304, diện tích 1480 m^2, loại đất lúa-màu và thửa 305, diện tích 3440 m^2, loại đất thổ-quả, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông H đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo thi hành án; anh T và ông H cũng thống nhất.

Xét thấy, ngày 09/7/2012, ông H cùng vợ là bà H có ký hợp đồng bảo lãnh, thế chấp tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khoản nợ vay nêu trên của anh T và chị T; hợp đồng được lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực là đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; nhưng tại thời điểm Ngân hàng thẩm định tài sản thì trên đất có căn nhà của chị Phạm Thị T2 đã được ông H cho đất cất nhà ở, có khuôn viên sử dụng riêng và các ngôi mộ của thân tộc của ông H cũng đã có từ

trước, những tài sản này không thể kê biên để thi hành án được. Do đó, khi xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án thì không kê biên diện tích đất dành cho khu mộ, lối đi vào mộ và khu diện tích đất nhà chị Thương đang sử dụng.

[5] Tại phiên tòa bà D rút đơn khởi kiện độc lập về việc yêu cầu công nhận diện tích 2000 m^2 (thực đo 2368,9 m^2) thuộc một phần của thửa đất số 296 mà ông H đã thế chấp để bảo lãnh khoản nợ vay của anh T, chị T nêu trên, để bà với gia đình ông H giải quyết sau. Xét thấy yêu cầu này của bà D là tự nguyện nên chấp nhận. Bà D có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của Ngân hàng đòi khoản nợ vay đối với anh T và chị T là có căn cứ chấp nhận; đối với hợp đồng thế chấp, Tòa án chấp nhận một phần như đã phân tích nêu trên.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí, lệ phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 149, 217, 218, 219, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 361, 369, 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh.

Buộc anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh số tiền còn nợ là 506.628.146 đồng, trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/12/2017 là 256.628.146 đồng. Hình thức trả nợ như sau:

Lần 01: Ngày 11/02/2018 trả 100.000.000 đồng;

Lần 02: Ngày 11/3/2018 trả 60.000.000 đồng;

Số tiền còn lại, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T trả hàng quý, mỗi quý 03 tháng trả một lần bằng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (kể cả tiền lãi phát sinh), quý đầu tiên kể từ ngày 11/6/2018.

Kể từ ngày 26/12/2017 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng số LD1218900110, ngày 09/07/2012 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T không trả được nợ đúng kỳ hạn đã thỏa thuận đồng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ và được yêu cầu

xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc các thửa số 296, diện tích 7340 m^2, loại đất lúa-màu; thửa 304, diện tích 1480 m^2, loại đất lúa-màu và thửa 305, diện tích 3440 m^2, loại đất thổ-quả, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông H đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo thi hành án; nhưng trừ diện tích đất khu mộ, lối đi vào khu mộ và diện tích đất chị Phạm Thị T2 đã cất nhà sử dụng, thuộc một phần của thửa 305, có vị trí và tứ cận như sau:

Diện tích khu mộ và lối đi vào khu mộ:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 305 (phần đất trống theo hiện trạng), có 02 đoạn: Đoạn 01 tính từ mé Hương lộ 26 kéo vào có số đo 17,5 m và đoạn 02 có số đo 8,5 m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 305 (phần giáp căn nhà của ông Phạm Văn H) có số đo 26 m (tính từ mé Hương lộ 26 kéo vào);

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 305 có số đo 4,5 m;

Hướng Bắc có 02 đoạn: Đoạn 01 giáp Hương lộ 26 có số đo 1,5 m, đoạn 02 giáp phần còn lại của thửa 305 có số đo 03 m.

Diện tích đất chị Phạm Thị T2 cất nhà sử dụng:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 305 (giáp căn nhà của anh Phạm Văn T) có số đo 41,7 m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 305 (phần đất trống theo hiện trạng) có số đo 41,7 m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 305 có số đo 06 m;

Hướng Bắc giáp Hương lộ 26 có số đo 06 m.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị D về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 2000 m^2 (thực đo 2368,9 m^2) thuộc một phần của thửa số 296, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bà Dương Thị D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đã rút đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí, lệ phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.411.183 đồng theo biên lai thu tiền số 0006750 ngày 12/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Buộc anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T phải chịu 24.265.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002436 ngày 19/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh không phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ; buộc anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.500.000 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Trà Vinh (Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi xong).

Buộc bà Dương Thị D phải chịu 1.446.419 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Do bà D đã nộp và đã chi xong).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tiên Nghiệm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.